

Đương Số: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: **Ât Sửu** - Thai Nguyên: **Ât Sửu**

Thân Nhược: **Thủy** 24/50

Dụng Thần: **Mộc Hòa**

<b>Trụ Năm 1979</b> Sát KỶ MÙI Dương Q.Đới Kỷ Ất Đinh Sát Thực T.Tài Dương Mộ Dương	<b>Trụ Tháng 11</b> Thương GIÁP TUẤT Dương Dương Mậu Đinh Tân Quan T.Tài Kiêu Mộ Dương Q.Đới	<b>Trụ Ngày 02</b> Thân QUỲ Kiêu Suy DẬU BỆNH Tân Kiêu Q.Đới	<b>Trụ Giờ 12:01</b> Quan MỘ NGỌ Mộ Đ.Vượng Đinh Kỷ T.Tài Sát Dương Dương
Hoa Cái Phi Nhận Thái Cực Phúc Tinh	Thái Cực Không Vong Giáo	Văn Xương Tai Sát Tướng Tinh Thiên Địa C.Sát Thiên Y Kim Thần	Đào Hoa Cửu Quý PH.
<b>Đại Vận 0 (0 - 7 tuổi)</b> Thương GIÁP TUẤT Dương Dương Mậu Đinh Tân Quan T.Tài Kiêu Mộ Dương Q.Đới	<b>Đại Vận 1 (8 - 17 tuổi)</b> Tỷ QUỲ DẬU BỆNH Tân Kiêu L.Quan	<b>Đại Vận 2 (18 - 27 tuổi)</b> Kiếp NHÂM THÂN T.Sinh Canh Mậu Nhâm Ấn Quan Kiếp L.Quan Bệnh T.Sinh	<b>Đại Vận 3 (28 - 37 tuổi)</b> Kiêu TÂN MÙI Suy Kỷ Ất Đinh Sát Thực T.Tài Q.Đới Dương Q.Đới
<b>Đại Vận 4 (38 - 47 tuổi)</b> Ấn CANH NGỌ M.Dục Đinh Kỷ T.Tài Sát L.Quan L.Quan	<b>Đại Vận 5 (48 - 57 tuổi)</b> Sát KỶ TỶ Đ.Vượng Bính Mậu Canh Tài Quan Ấn L.Quan L.Quan T.Sinh	<b>Đại Vận 6 (58 - 67 tuổi)</b> Quan MẬU THÌN Q.Đới Mậu Ất Quý Quan Thực Tỷ Q.Đới Q.Đới Dương	<b>Đại Vận 7 (68 - 77 tuổi)</b> T.Tài ĐINH MÃO Bệnh Đinh Ất Thực L.Quan
<b>Đại Vận 8 (78 - 87 tuổi)</b> Tài BÍNH DẦN T.Sinh Giáp Bính Mậu Thương Tài Quan L.Quan T.Sinh T.Sinh	<b>Đại Vận 9 (88 - 97 tuổi)</b> Thương ẤT SỬU Suy Kỷ Tân Quý Sát Kiêu Tỷ Mộ Dương Q.Đới	<b>Đại Vận 10 (98 - 107 tuổi)</b> Thương GIÁP TỶ M.Dục Quý Tỷ L.Quan	<b>Đại Vận 11 (108 - 117 tuổi)</b> Tỷ QUỲ HỢI Đ.Vượng Giáp Nhâm Thương Kiếp T.Sinh L.Quan

Sát 1979 1 tuổi KỶ MÙI Q.Đới	Ấn 1980 2 tuổi CANH THÂN L.Quan	Kiêu 1981 3 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Kiếp 1982 4 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	Tỷ 1983 5 tuổi QUỲ HỢI Đ.Vượng
Thương 1984 6 tuổi GIÁP TỶ M.Dục	Thực 1985 7 tuổi ÁT SỬU Suy	Tài 1986 8 tuổi BÍNH DẦN T.Sinh	T.Tài 1987 9 tuổi ĐINH MÃO Bệnh	Quan 1988 10 tuổi MẬU THÌN Q.Đới
Sát 1989 11 tuổi KỶ TỶ Đ.Vượng	Ấn 1990 12 tuổi CANH NGỌ M.Dục	Kiêu 1991 13 tuổi TÂN MÙI Suy	Kiếp 1992 14 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Tỷ 1993 15 tuổi QUỲ DẬU Bệnh
Thương 1994 16 tuổi GIÁP TUẤT Dương	Thực 1995 17 tuổi ÁT HỢI Tử	Tài 1996 18 tuổi BÍNH TỶ Thai	T.Tài 1997 19 tuổi ĐINH SỬU Mộ	Quan 1998 20 tuổi MẬU DẦN T.Sinh
Thương 1999 21 tuổi KỶ MÃO Bệnh	Thực 2000 22 tuổi CANH THÌN Dương	Kiêu 2001 23 tuổi TÂN TỶ Tử	Kiếp 2002 24 tuổi NHÂM NGỌ Thai	Tỷ 2003 25 tuổi QUỲ MÙI Mộ
Thương 2004 26 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt	Thực 2005 27 tuổi ÁT DẬU Tuyệt	Tài 2006 28 tuổi BÍNH TUẤT Mộ	T.Tài 2007 29 tuổi ĐINH HỢI Thai	Quan 2008 30 tuổi MẬU TỶ Thai
Sát 2009 31 tuổi KỶ SỬU Mộ	Ấn 2010 32 tuổi CANH DẦN Tuyệt	Kiêu 2011 33 tuổi TÂN MÃO Tuyệt	Kiếp 2012 34 tuổi NHÂM THÌN Mộ	Tỷ 2013 35 tuổi QUỲ TỶ Thai
Thương 2014 36 tuổi GIÁP NGỌ Tử	Thực 2015 37 tuổi ÁT MÙI Dương	Tài 2016 38 tuổi BÍNH THÂN Bệnh	T.Tài 2017 39 tuổi ĐINH DẬU T.Sinh	Quan 2018 40 tuổi MẬU TUẤT Mộ
Sát 2019 41 tuổi KỶ HỢI Thai	Ấn 2020 42 tuổi CANH TỶ Tử	Kiêu 2021 43 tuổi TÂN SỬU Dương	Kiếp 2022 44 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Tỷ 2023 45 tuổi QUỲ MÃO T.Sinh
Thương 2024 46 tuổi GIÁP THÌN Suy	Thực 2025 47 tuổi ÁT TỶ M.Dục	Tài 2026 48 tuổi BÍNH NGỌ Đ.Vượng	T.Tài 2027 49 tuổi ĐINH MÙI Q.Đới	Quan 2028 50 tuổi MẬU THÂN Bệnh
Sát 2029 51 tuổi KỶ DẬU T.Sinh	Ấn 2030 52 tuổi CANH TUẤT Suy	Kiêu 2031 53 tuổi TÂN HỢI M.Dục	Kiếp 2032 54 tuổi NHÂM TỶ Đ.Vượng	Tỷ 2033 55 tuổi QUỲ SỬU Q.Đới

Thương GIÁP	2034	56 tuổi	Thực ẤT	2035	57 tuổi	Tài BÍNH	2036	58 tuổi	T.Tài ĐÌNH	2037	59 tuổi	Quan MẬU	2038	60 tuổi
	DẦN	L.Quan		MÃO	L.Quan		THÌN	Q.Đới		TỶ	Đ.Vượng		NGỌ	Đ.Vượng

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

## Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ năm [Mùi Thổ](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ tháng [Tuất Thổ](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ ngày [Dậu Kim](#) được Thông căn Trường Sinh Lộ Nhận \*\*.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ giờ [Ngọ Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 2.5/10

### Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Kỷ** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Giáp** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Quý** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Suy** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Mậu** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** **Ất Sửu** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Túc:** **Mậu Thìn** (Thai túc là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai túc thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Ất Sửu và Mậu Thìn này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Ất Sửu** nạp âm là Kim, gặp cung mệnh **Ất Sửu** nạp âm là Kim là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Anh phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Ất Sửu** nạp âm là Kim, gặp trụ năm **Kỷ Mùi** nạp âm là **Hỏa** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Ất Sửu** nạp âm là Kim, gặp trụ tháng **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Ất Sửu** nạp âm là Kim, gặp trụ ngày **Quý Dậu** nạp âm là Kim là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Ất Sửu** nạp âm là Kim, gặp trụ giờ **Mậu Ngọ** nạp âm là **Hỏa** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Kỷ Mùi** là **Thổ Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Giáp Tuất** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Quý Dậu** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Mậu Ngọ** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Quý Dậu và Kỷ Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Dậu Tuất này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Quý Dậu và Mậu Ngọ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Thân Nhược: **Thủy 24/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Thủy** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **24/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **22/36** điểm là thân **Thủy** Vượng mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Nhược **Thủy**, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Anh ở mức Trung Bình** không vượng

cũng không nhược. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Thủy thì dụng thần nên là Kim để sinh thêm Thủy, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

**Dụng Thần: Mộc Hỏa** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Mộc đều tốt cho Quý Anh vì Mộc là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Mộc.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Hỏa đều tốt cho Quý Anh vì Hỏa là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Hỏa.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là thân nhược thì hãy chọn dụng thần tương

**sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Kỷ Mùi** bị **Ất Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Sửu**.

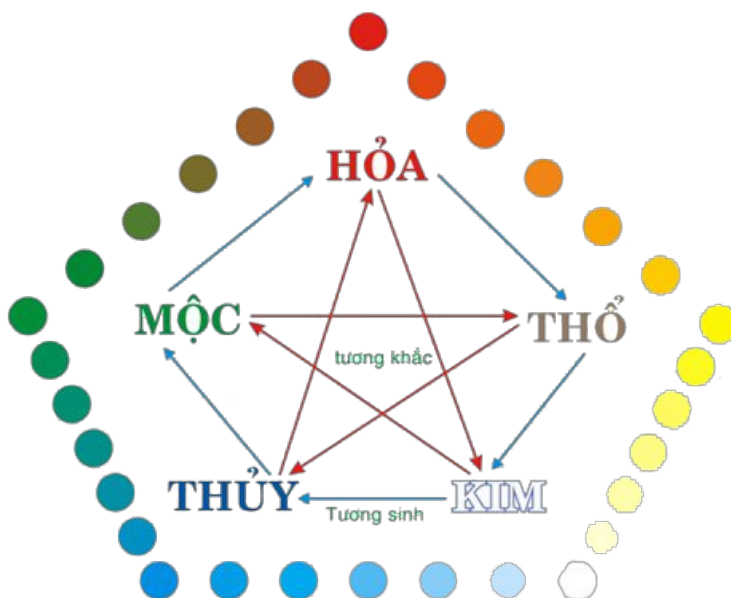
Trụ Tháng **Giáp Tuất** bị **Canh Thìn** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Thìn**.

Trụ Ngày **Quý Dậu** bị **Kỷ Mão** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Mão**.

Trụ Giờ **Mậu Ngọ** bị **Giáp Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Tý**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



### Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn



Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tủy não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Thủy

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thủy có nước da ngăm ngăm đen, hơi béo, thịt nhiều; bụng tròn, chân mày rậm; miệng rộng, ngón tay mập tròn; thần mắt lộ; bàn tay bàn chân lớn nhưng trông không thô kệch; đi đứng chậm chạp và ăn uống cũng chậm chạp; tính ý giản dị và tiếng nói hơi khàn. Nhìn chung người thuộc Thủy mà hợp tướng như vậy là rất tốt, trước khổ sau sướng, con cái an hòa, gia đình hưng vượng.

Nhìn chung, người thuộc Thủy hợp với phương Bắc. Và có thể thích hợp với khá nhiều nghề, đặc biệt là những ngành nghề liên quan tới chất lỏng, như: dầu khí, rượu, nước...

### Quý Anh Người Thuộc Thủy Nhược

Người mà Thủy nhược là người có vóc dáng thấp bé, tính tình bất nhất, thay đổi thất thường, tính nhát gan, không có mưu mẹo, hành động cũng bất nhất, không có thứ tự. Người mà Thủy quá suy cũng dễ mắc những bệnh như người thuộc Thủy quá vượng như bệnh về thận, bàng quang, bắp đùi, chân, đầu, gan, tiết niệu, thất lưng, tử cung, âm hộ...

### Cung Mệnh ở Sửu có sao Thiên ách

Quý Anh trước khó sau thông, xa quê vất vả nhưng về sau tốt.

### Trụ năm của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

### **Trụ tháng của Quý Anh có Thương Quan**

Trụ tháng có thương quan (Thương): anh em duyên mỏng, bất hòa, bất hiếu. Trường hợp can và chi đều thương quan thì anh em vợ chồng phân ly.

### **Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Ân**

Trụ ngày gặp thiên ân (kiêu) thì nam không lấy được vợ tốt, nữ thì không lấy được chồng cao sang. Người bạn đời tuy rõ ràng mình bạch nhưng thích sống cô độc. Trường hợp tứ trụ lại gặp thực thần thì tuổi nhỏ mẹ ít sữa nuôi. Khi vận gặp thực thần (thực) thì bệnh hoặc nghèo lại gặp hình xung thì dễ gặp khó khăn trắc trở.

### **Trụ giờ của Quý Anh có Chấn Quan**

Trụ giờ có chính quan thì con cái đôn hậu chính trực. Nếu tọa ở tử tuyệt thì có con mà không được nhờ cậy lúc tuổi già.

### **Ngày sinh của Quý Anh là ngày Thiên địa chuyển sát**

Ngày Thiên địa chuyển sát chủ hung nhiều lành ít.

### **Trong tứ trụ Quý Anh có Phi Nhận**

Phi Nhận cho biết Quý Anh hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

### **Tứ Trụ của Quý Anh có Chánh Quan và Thất Sát**

Thiên quan / Thiên phúc quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, được ân huệ, phúc lộc.

### **Tứ Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân**

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### **Tứ Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân**

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

### **Tứ Trụ có Hoa Cái**

Hoa cái chủ vẽ nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### **Kim thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)**

Căn cứ thực tiễn, trụ ngày gặp kim thần, trường hợp trong tứ trụ thiếu hỏa khi vận nhập vào hỏa thì lập tức giàu sang. Kim không có hỏa không thể thành vũ khí, nên kim cần phải có hỏa để luyện, do đó kim gặp hành hỏa thì phát. Trong tứ trụ có hỏa, nhưng không hành hỏa thì hỏa cục ban đầu không có lực, phải gặp hỏa vận mới phát, cho nên có câu: "kim thần gặp hỏa, uy trấn biên cương" hoặc "kim thần nhập hỏa, phú quý vang xa". Kim thấy thủy thì trầm cho nên kim thần gặp thủy là gặp tai vạ. Vận đến kim thủy thì tai họa đến ngay, đi lên phương bắc là xấu, có thể tai nạn rất nặng. Kim thần gặp tài là tốt, gặp tài vận là phát. Gặp tài vận đã tốt, gặp cả hỏa nữa càng tốt hơn. Kim thần là quý cách, gặp nó người đó không giàu thì sang, thông minh hiểu học có tài, nhưng tính gấp, mạnh mẽ, khăng khăng làm một mình. Trong tứ trụ kim nhiều (hoặc nạp âm kim nhiều) thủy vượng là phá cách, chủ về họa nhiều mà thành công ít, không có tình nghĩa với lục thân, anh em chia lìa, người vất vả khổ sở.

### **Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)**

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thủy, hỏa phải đề phòng bỏng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đổ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

### **Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)**

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cấu Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cấu Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gặp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

## Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trắng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

### Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh. Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia. Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, tuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quân chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

### Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã**

**Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên**

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

**Trụ năm Quý Anh gặp thực thần mà không có kiếp thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.**

**Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc**



**được cha mẹ nuông chiều.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.**

**Thiên tài gặp tuần không, vong là đất tử tuyệt tức mẹ mất sớm.**

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

**Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.**

**Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.**

**Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.**

**Hàm trì hợp với quan là nhà sa sút, người xa rời nhau.**

**Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đối rách.**

**Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.**

**Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.**

**Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.**

## Anh Em Huynh Dê

---

**Trụ tháng Quý Anh có thương quan là anh em bị thương tổn.**

**Trụ năm Quý Anh gặp sát, trụ tháng gặp thương là anh em không hòa thuận.**

**Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.**

**Trong Tứ trụ Quý Anh không có tỉ kiếp và ẩn tinh là từ bé đã gặp vận tỉ kiếp, bản thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.**

## Gia Đạo Tình Duyên

---

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Kỷ Mùi** hợp với Nữ tuổi **Canh Thân - Tân Dậu - Canh Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

**Trụ ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là vợ chồng đảm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.**

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Quý Dậu** là Kim sinh **Thủy**.

**Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.**

**Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.**

**Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.**

**Kiếp tài của nam là vợ**

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

**Quý Anh có Quan sát nhiều mà không gặp tài là vợ nội trợ tốt nhưng không hòa thuận.**

**Chi ngày Quý Anh là tí ngọc mã đậu thì vợ đẹp**

**Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.**

**Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.**

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

**Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.**

**Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.**

**Quý Anh Nam gặp tài nhiều, thân yếu, là rời quê hương lấy vợ đẹp.**

**Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con**

**Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.**

**Quý Anh có Trong Tứ trụ thương, kiêu đều có là con yếu, vợ ngu.**

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Anh thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Quý Anh Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Kiều thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân nhược gặp phải là hoạ.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

## Quan Vận

---

Quý Anh có Quan tinh đới Đào hoa, rất quý.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Kim thần đới Sát, nhất định là quan quý.

Trong trụ Quý Anh Thương Quan gặp Quan, không có Tài thì không có chức vị.

Quý Anh Có Quan mà không có Ấn, quan giả.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Anh Có Sát không có Ấn thiếu văn tài.

Quý Anh có Thiên Ấn nhiều, học nhiều thành tựu ít.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Quý Anh có Thương Quan không có chút Tài tinh, tuy thông minh cơ xảo cũng chỉ hư danh hư lợi.

## Nghề Nghiệp

---

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh Ngũ hành cần thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Ngũ hành quá khô, công tác trời sục biến động luôn luôn.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Chính Quan Quý Anh là thổ, cá tính ôn hòa, đồng thời cũng là người chính trực, trên các mặt đều biểu hiện ngay thẳng và khoan dung, tuy nhiên cũng thích hợp nhiều ngành, xử lý sự việc quyết đoán, nghĩa khí, đồng thời khái niệm kinh tế cũng rất chính xác, thích hợp với nghề tài chính, kinh tế, tiền tệ, quân đội cảnh sát.

Trụ Quý Anh có Thiên Ấn (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ấn tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam

giáo cứu lưu...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hậu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Quan tinh đóng ở trụ giờ là con cái tháo vát, thẳng tiến.

Quý Anh có Đào hoa đóng ở trụ giờ là con cái đẹp, thông minh, phong lưu.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Trong Tứ trụ Quý Anh có 3 chữ hoả là lúc sinh láng giềng có tang, hoặc trong nhà có nỗi lo lắng, buồn ly biệt.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mao, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Anh có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Tứ trụ Quý Anh có thương quan gặp quan là hào con cái khó khăn.

Trong Tứ trụ Quý Anh có quan sát, khi đến đại vận lưu niên nếu gặp thương quan, thực thần thì sẽ làm tổn thương con cái, qua vận đó mới bình thường.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Thương quan Quý Anh bị chế ngự là cháu họ thừa tự.

Trụ giờ Quý Anh quan tinh không có khí thì sinh con nhưng khó nuôi.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Trụ năm Quý Anh làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Quý Anh có Thiên ấn đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Kiêu thần nhiều, thân lại nhược, phần nhiều bị bệnh phổi.

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Tứ trụ Quý Anh hỏa nhiều, hồi còn thanh thiếu niên mặt nổi mụn nhọt.

Thủy quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ viêm thận, não xuất huyết, cận thị, bệnh ở hệ thống niếu đạo.

Kim chủ về phổi, bị hỏa xung khắc, tửu sắc thành bệnh.

Giáp mộc gặp hỏa nhiều, hay bị bệnh về thần kinh.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh..., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiến Ấn, Thiên Ấn),



**Kiếp** (Kiếp Tài), **Tỷ** (kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của Địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng (lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho (mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của (ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho (phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17
Thương Dương CANH THÂN L.Quan	Thương Dương CANH THÂN Dương	Thân Tỷ Suy KỶ MÙI Q.Đới	T.Tài Dương QUÝ DẬU Bệnh
Canh Mậu Nhâm Thương Kiếp Tài Dương Q.Đới Mộ	Mậu Ất Quý Kiếp Sát T.Tài Q.Đới Q.Đới Dương	Kỷ Ất Đinh Tỷ Sát Kiêu Suy Q.Đới Suy	Tân Thực Mộ

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền binh"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ấn** (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương. Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, ... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyền, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thẳng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩn thận, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ đục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net